

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 02 tỉnh Phú Thọ
trực thuộc Sở Tư pháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản năm 2016; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 145/TTr-STP ngày 16 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản số 02 tỉnh Phú Thọ (sau đây viết tắt là Trung tâm) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, trụ sở tại phường Vĩnh Yên, tỉnh Phú Thọ.

Trung tâm chịu sự quản lý nhà nước của Sở Tư pháp và sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

2. Trung tâm có chức năng cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản và thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến hoạt động đấu giá theo trình tự, thủ tục và nguyên tắc được quy định tại Luật Đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm

1. Thực hiện đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá theo quy định tại Điều 4 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Luật Đấu giá tài sản sửa đổi năm 2024).

a) Tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá tài sản bao gồm:

- Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
- Quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.
- Quyền sử dụng tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về tần số vô tuyến điện.
- Quyền sử dụng mã, số viễn thông và tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo quy định của pháp luật về viễn thông.
- Quyền sử dụng rừng, cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.
- Tài sản cố định của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.
- Tài sản là hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.
- Tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.
- Tài sản thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.
- Tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.
- Tài sản kê biên để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- Tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản theo quy định của pháp luật về hợp tác xã và pháp luật về phá sản.
- Tài sản của doanh nghiệp phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
- Nợ xấu và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.
- Tài sản khác mà pháp luật quy định phải đấu giá.

b) Tài sản không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này mà cá nhân, tổ chức tự nguyện lựa chọn đấu giá.

2. Thỏa thuận với người có tài sản đấu giá về việc áp dụng một, một số hoặc toàn bộ quy định về trình tự, thủ tục đấu giá của Luật Đấu giá tài sản đối với tài sản đấu giá quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

3. Nhận giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản theo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản.

4. Cử đấu giá viên điều hành phiên đấu giá.

5. Thực hiện dịch vụ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, quản lý tài sản và dịch vụ khác liên quan đến tài sản đấu giá theo thỏa thuận.

6. Đơn phương chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản hoặc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản vô hiệu theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định của Luật Đấu giá tài sản.

7. Thực hiện việc đấu giá tài sản theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục quy định tại Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 24 Luật Đấu giá tài sản và chịu trách nhiệm về kết quả đấu giá tài sản.

8. Ban hành Quy chế cuộc đấu giá theo quy định tại Điều 34 của Luật Đấu giá tài sản và quy định khác của pháp luật có liên quan.

9. Tổ chức phiên đấu giá liên tục theo đúng thời gian, địa điểm đã thông báo, trừ trường hợp bất khả kháng.

10. Yêu cầu người có tài sản đấu giá giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá; trường hợp được người có tài sản đấu giá giao bảo quản hoặc quản lý thì giao tài sản và các giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người mua được tài sản đấu giá.

11. Bồi thường thiệt hại khi thực hiện đấu giá theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản.

13. Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đấu giá viên của tổ chức theo quy định tại Điều 20 của Luật Đấu giá tài sản.

14. Báo cáo Sở Tư pháp về tổ chức, hoạt động hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu.

15. Chấp hành các yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc kiểm tra, thanh tra.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, viên chức, người lao động, tài chính, tài sản của Trung tâm theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Giám đốc Sở Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, số lượng người làm việc

1. Lãnh đạo Trung tâm

Trung tâm có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

a) Giám đốc Trung tâm phải là Đầu giá viên, là người đứng đầu Trung tâm, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tư pháp và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và toàn bộ hoạt động của Trung tâm. Có trách nhiệm báo cáo với lãnh đạo Sở về tổ chức, hoạt động của Trung tâm theo quy định.

b) Phó Giám đốc Trung tâm là người giúp Giám đốc Trung tâm và được phân công phụ trách một hoặc một số lĩnh vực công tác, địa bàn; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền thay Giám đốc điều hành các hoạt động của Trung tâm.

c) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác đối với Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm thực hiện theo quy định hiện hành và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

2. Biên chế số lượng người làm việc của Trung tâm thực hiện theo Đề án vị trí việc làm gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của Trung tâm. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý các đầu giá viên, các viên chức khác và người lao động của Trung tâm thực hiện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của tỉnh.

Điều 4. Cơ chế tài chính

Trung tâm được giao quyền tự chủ toàn bộ kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hoạt động của Trung tâm được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản số 02 tỉnh Phú Thọ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Phùng Thị Kim Nga